



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2017

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Kinh doanh số**

4103004305

ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300545501 ngày 7 tháng 12 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông La Văn Út	Chủ tịch
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Trần Kỳ Hạnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên
	<i>(từ ngày 21 tháng 4 năm 2017)</i>
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên
	<i>(từ ngày 21 tháng 4 năm 2017)</i>
Ông Nguyễn Đình Dương	Ủy viên
	<i>(đến ngày 21 tháng 4 năm 2017)</i>

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Thành viên Ban Kiểm soát
	<i>(từ ngày 21 tháng 4 năm 2017)</i>
Bà Phạm Thị Kim Liên	Thành viên Ban Kiểm soát
	<i>(đến ngày 21 tháng 4 năm 2017)</i>

**Trụ sở đăng ký**

236/106/1A Điện Biên Phủ  
Phường 17, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám Đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-130-SX-R



Dàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>307.145.689.609</b>	<b>118.094.327.417</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>18.664.494.398</b>	<b>30.737.565.542</b>
Tiền	111		18.664.494.398	30.737.565.542
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>240.975.353.776</b>	<b>40.221.203.431</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	63.372.302.373	29.523.335.372
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.734.891.429	937.160.330
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	172.868.159.974	9.760.707.729
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>47.492.487.416</b>	<b>47.115.554.514</b>
Hàng tồn kho	141		48.226.811.245	47.224.979.756
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(734.323.829)	(109.425.242)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.354.019</b>	<b>20.003.930</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.354.019	20.003.930
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	<b>200</b>		<b>1.564.076.093.899</b>	<b>1.721.052.182.919</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.391.204.000</b>	<b>1.391.204.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		1.391.204.000	1.391.204.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.428.668.043.197</b>	<b>1.578.526.927.103</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.402.562.578.721	1.552.114.960.379
Nguyên giá	222		3.939.798.687.222	3.939.798.687.222
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.537.236.108.501)	(2.387.683.726.843)
Tài sản cố định vô hình	227	13	26.105.464.476	26.411.966.724
Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.145.515.735)	(1.839.013.487)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>15.778.704.406</b>	<b>22.895.909.520</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	15.778.704.406	22.895.909.520
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>118.238.142.296</b>	<b>118.238.142.296</b>
Đầu tư vào công ty con	251		105.000.000.000	105.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(51.261.857.704)	(51.261.857.704)
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.871.221.783.508</b>	<b>1.839.146.510.336</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>791.811.219.663</b>	<b>728.275.932.213</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>364.659.992.163</b>	<b>354.019.729.713</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	26.252.275.320	37.969.644.920
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		55.026.980.346	9.739.513.782
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	9.279.647.552	10.469.355.792
Phải trả người lao động	314		17.898.993.559	24.289.376.228
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	9.350.317.907	10.211.006.127
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	47.349.143.650	14.749.862.965
Vay ngắn hạn	320	20	134.538.481.000	189.305.326.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	55.884.623.131	51.638.549.201
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.079.529.698	5.647.094.698
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>427.151.227.500</b>	<b>374.256.202.500</b>
Vay dài hạn	338	20	427.151.227.500	374.256.202.500
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.079.410.563.845</b>	<b>1.110.870.578.123</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>1.079.410.563.845</b>	<b>1.110.870.578.123</b>
Vốn cổ phần	411	23	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(160.015.910)	(160.015.910)
Cổ phiếu quỹ	415		(11.635.553.757)	(11.635.553.757)
Quỹ đầu tư phát triển	418		250.991.855.223	250.991.855.223
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.547.618.289	73.007.632.567
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		1.814.299.767	(8.951.956.594)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		39.733.318.522	81.959.589.161
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.871.221.783.508</b>	<b>1.839.146.510.336</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Phan Nhân Tri  
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017**

Mẫu B 02a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>26</b>	<b>391.705.014.422</b>	<b>424.844.527.588</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>27</b>	<b>312.880.450.844</b>	<b>331.197.825.107</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>78.824.563.578</b>	<b>93.646.702.481</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	965.470.968	5.461.064.340
Chi phí tài chính	22	29	15.969.312.124	10.795.301.652
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>15.802.618.455</i>	<i>11.736.612.146</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		18.179.793.038	18.362.972.668
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>45.640.929.384</b>	<b>69.949.492.501</b>
Thu nhập khác	31	30	5.203.673.202	313.055
Chi phí khác	32	31	1.110.712.025	10.464.031.561
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>4.092.961.177</b>	<b>(10.463.718.506)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>49.733.890.561</b>	<b>59.485.773.995</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>33</b>	<b>10.000.572.039</b>	<b>15.494.180.967</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>39.733.318.522</b>	<b>43.991.593.028</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Phan Nhân Tri  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>49.733.890.561</b>	<b>59.485.773.995</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		149.858.883.906	127.705.106.975
Các khoản dự phòng	03		28.831.539.587	16.123.504.932
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(139.457.432)	(3.490.881.389)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(379.913.260)	(664.324.614)
Chi phí lãi vay	06		15.802.618.455	11.736.612.146
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>243.707.561.817</b>	<b>210.895.792.045</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(208.559.934.674)	(1.017.188.169)
Biến động hàng tồn kho	10		(1.001.831.489)	1.155.465.141
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		6.878.875.460	(45.192.078.751)
Biến động chi phí trả trước	12		6.649.911	1.900.307
			<b>41.031.321.025</b>	<b>165.843.890.573</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(17.609.109.661)	(8.359.387.308)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.849.970.225)	(25.948.057.720)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.727.865.000)	(2.904.930.750)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>9.844.376.139</b>	<b>128.631.514.795</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(60.454.554)	(1.852.207.635)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		8.046.197.589	14.923.669.810
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>7.985.743.035</b>	<b>13.071.462.175</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		114.073.120.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(115.392.650.715)	(103.111.649.458)
Tiền trả cổ tức	36		(28.583.846.255)	(18.533.485.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(29.903.376.970)</b>	<b>(121.645.135.058)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(12.073.257.796)</b>	<b>20.057.841.912</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>30.737.565.542</b>	<b>58.152.512.970</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>186.652</b>	<b>(629.383)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>8</b>	<b>18.664.494.398</b>	<b>78.209.725.499</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Phan Nhân Tri  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương).

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 339 nhân viên (1/1/2017: 344 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư vào công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	19 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyên	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 44 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng chi phí sửa chữa lớn***

Theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 năm/lần. Dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định bằng 1/2 dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong vòng 12 tháng tiếp theo.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, Công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

**6. Các khoản mục bất thường**

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty**

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	403.506.747	169.659.537
Tiền gửi ngân hàng	18.260.987.651	30.567.906.005
	<hr/>	<hr/>
	18.664.494.398	30.737.565.542

**9. Phải thu của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và bên liên quan**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	51.901.355.852	29.252.072.318
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - công ty mẹ cấp cao nhất	11.470.946.521	271.263.054
	<hr/>	<hr/>
	63.372.302.373	29.523.335.372

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và phải thu khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	163.655.545.592	6.300.868.000
▪ Phải thu về lợi nhuận được chia	-	6.262.203.347
▪ Phải thu về các khoản chi hộ (*)	163.605.385.592	38.664.653
▪ Phải thu khác	50.160.000	-
Phải thu về lợi nhuận được chia - Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	4.180.000	1.404.080.982
Khoản chi hộ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	4.881.104.638	-
Tạm ứng cho người lao động	1.824.731.384	1.854.297.065
Các khoản phải thu khác	2.502.598.360	201.461.682
	<hr/>	<hr/>
	172.868.159.974	9.760.707.729

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và phải thu khi yêu cầu.

(\*) Phải thu khác từ Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn liên quan đến khoản chi hộ mua Tàu Nhà Bè 09. Khoản chi hộ này đã được Hội đồng Quản trị Công ty chấp thuận ngày 10 tháng 4 năm 2017.

**11. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2017</b>		<b>1/1/2017</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	48.094.769.224	(734.323.829)	45.998.541.057	(109.425.242)
Công cụ và dụng cụ	132.042.021	-	162.838.636	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	1.063.600.063	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	48.226.811.245	(734.323.829)	47.224.979.756	(109.425.242)

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	174.339.147	3.939.281.838.700	342.509.375	3.939.798.687.222
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	174.339.147	2.387.166.878.321	342.509.375	2.387.683.726.843
Khấu hao trong kỳ	-	149.552.381.658	-	149.552.381.658
Số dư cuối kỳ	174.339.147	2.536.719.259.979	342.509.375	2.537.236.108.501
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	-	1.552.114.960.379	-	1.552.114.960.379
Số dư cuối kỳ	-	1.402.562.578.721	-	1.402.562.578.721

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 995.054 triệu VND (1/1/2017: 1.479.930 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 4.290 triệu VND (1/1/2017: 4.290 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.250.980.211
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	1.839.013.487
Khấu hao trong kỳ	306.502.248
Số dư cuối kỳ	2.145.515.735
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	26.411.966.724
Số dư cuối kỳ	26.105.464.476

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	22.895.909.520	823.060.782
Tăng trong kỳ	16.843.361.956	3.102.084.972
Sử dụng quỹ dự phòng sửa chữa lớn	(23.960.567.070)	-
Số dư cuối kỳ	15.778.704.406	3.925.145.754



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**15. Các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2017			1/1/2017				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu biểu quyết	% quyền	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>								
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	100%	100%	100%	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	100%	100%	100%	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-	(*)
				<u>105.000.000.000</u>		<u>105.000.000.000</u>		
<b>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</b>								
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	4,39%	4,39%	53.500.000.000	(51.000.000.000)	53.500.000.000	(51.000.000.000)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000	(261.857.704)	6.000.000.000	(261.857.704)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-	(*)
				<u>64.500.000.000</u>	<u>(51.261.857.704)</u>	<u>64.500.000.000</u>	<u>(51.261.857.704)</u>	

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	8.877.873.229	8.114.315.712
Chi nhánh Hóa Dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	5.029.438.700	6.945.633.310
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	5.843.316.358	-
Các nhà cung cấp khác	6.501.647.033	22.909.695.898
	26.252.275.320	37.969.644.920

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	5.843.316.358	2.249.742.599
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	8.877.873.229	8.114.315.712
Các công ty liên quan		
Chi nhánh Hóa Dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	5.029.438.700	6.945.633.310
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	66.194.100	18.081.900
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	536.867.984	987.225.728
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu - Xăng dầu Khu vực 2	26.445.200	23.646.400
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	224.816.315	5.645.778.403
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	150.393.760	260.766.000

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**17. Thuế phải nộp nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.575.373.558	24.348.442.189	(24.649.203.132)	2.274.612.615
Thuế nhập khẩu	-	672.959.990	(672.959.990)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.525.200.610	10.000.572.039	(11.849.970.225)	5.675.802.424
Thuế thu nhập cá nhân	287.896.665	687.536.852	(916.623.769)	58.809.748
Các loại thuế khác	80.884.959	1.463.459.378	(273.921.572)	1.270.422.765
	10.469.355.792	37.172.970.448	(38.362.678.688)	9.279.647.552

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí lãi vay	4.927.893.030	6.746.127.058
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	1.490.462.935	533.365.000
Cảng phí	1.254.317.500	1.236.397.500
Các khoản khác	1.677.644.442	1.695.116.569
	9.350.317.907	10.211.006.127

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	6.991.341.031	7.241.717.866
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	33.508.292.501	3.562.555.762
▪ Cổ tức phải trả	33.172.173.600	-
▪ Phải trả hoạt động tàu Vân Phong	-	3.402.442.079
▪ Phải trả tiền hao hụt hàng hóa	336.118.901	160.113.683
Cổ tức phải trả cổ đông khác	1.038.070.380	769.178.075
Phải trả khác Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	1.709.900.000	834.500.000
Phải trả khác Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	738.775.026	167.137.000
Phải trả khác Công ty TNHH MTV Thuyền viên Vipco – công ty liên quan	926.786.278	922.785.392
Kinh phí công đoàn	1.531.357.563	1.181.631.533
Chi phí khác	904.620.871	70.357.337
	47.349.143.650	14.749.862.965

Khoản phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**20. Vay**

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ		Biến động trong kỳ		Lãi chênh lệch tỷ giá VND		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	
	1/1/2017 VND	Tăng VND	Giảm VND		tỷ giá VND	30/6/2017 VND		
Vay dài hạn	563.561.528.500	114.073.120.000	(115.392.650.715)	(552.289.285)		561.689.708.500		
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(189.305.326.000)					(134.538.481.000)		
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	374.256.202.500					427.151.227.500		

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
▪ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	USD	6%	2018	250.693.120.000	170.925.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	USD	4%- 8,0%	2017- 2018	23.769.603.000	51.539.585.000
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	USD	2,49%- 3,15%	2017	-	38.344.175.000
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Nhuệ (VTB)	VND	7,0%	2026	287.226.985.500	302.752.768.500
				561.689.708.500	563.561.528.500

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 995.054 triệu VND (1/1/2017: 1.479.930 triệu VND) (Thuyết minh 12).

## 21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<b>Dự phòng sửa chữa lớn</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	51.638.549.201	18.080.064.975
Dự phòng lập trong kỳ	28.206.641.000	17.175.000.000
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(23.960.567.070)	-
	55.884.623.131	35.255.064.975



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	245.090.870.947	45.882.360.682	1.077.844.321.962
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	43.991.593.028	43.991.593.028
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	5.900.984.276	(5.900.984.276)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(9.500.000.000)	(9.500.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	(39.433.333.000)	(39.433.333.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	35.039.636.434	1.072.902.581.990
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	73.007.632.567	1.110.870.578.123
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	39.733.318.522	39.733.318.522
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(8.100.000.000)	(8.100.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	(63.093.332.800)	(63.093.332.800)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	41.547.618.289	1.079.410.563.845

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b> Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	78.866.666	788.666.660.000	78.866.666	788.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**24. Cổ tức**

Ngày 16 tháng 5 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 63.093 triệu VND tương đương 800 VND mỗi cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016: 39.433 triệu VND tương đương 500 VND mỗi cổ phiếu).

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	2.701.656.000	2.701.656.000
Trong vòng hai đến năm năm	1.350.828.000	2.701.656.000
	<hr/>	<hr/>
	4.052.484.000	5.403.312.000
	<hr/>	<hr/>

**(b) Ngoại tệ**

	<b>30/6/2017</b>		<b>1/1/2017</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	12.053	273.591.750	1.060	24.164.466
		<hr/>		<hr/>

**26. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu vận tải biển	386.129.497.924	419.247.190.530
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	5.575.516.498	5.597.337.058
	<hr/>	<hr/>
	391.705.014.422	424.844.527.588
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Giá vốn vận tải biển	308.829.228.919	327.113.375.781
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	4.051.221.925	4.084.449.326
	<hr/>	<hr/>
	312.880.450.844	331.197.825.107
	<hr/>	<hr/>

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	379.913.260	664.324.614
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	585.557.708	4.796.739.726
	<hr/>	<hr/>
	965.470.968	5.461.064.340
	<hr/>	<hr/>

**29. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	15.802.618.455	11.736.612.146
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	166.693.669	108.521.633
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	(1.049.832.127)
	<hr/>	<hr/>
	15.969.312.124	10.795.301.652
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Tiền bảo hiểm được bồi thường	1.999.014.980	-
Tiền hoàn thuế chậm nộp	2.901.356.403	-
Các khoản khác	303.301.819	313.055
	<hr/>	<hr/>
	5.203.673.202	313.055
	<hr/>	<hr/>

**31. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Tiền phạt chậm nộp thuế	-	10.071.703.228
Các khoản khác	1.110.712.025	392.328.333
	<hr/>	<hr/>
	1.110.712.025	10.464.031.561
	<hr/>	<hr/>

**32. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	40.453.221.296	19.152.891.452
Chi phí nhân công	51.715.857.673	48.606.320.983
Chi phí khấu hao	149.858.883.906	127.705.106.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.502.356.399	111.724.443.595
Chi phí khác	56.841.425.958	42.372.034.770
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	10.000.572.039	14.428.315.408
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	1.065.865.559
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>10.000.572.039</b>	<b>15.494.180.967</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	49.733.890.561	59.485.773.995
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	9.946.778.112	11.897.154.799
Chi phí không được khấu trừ thuế	634.065.208	2.531.160.609
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	1.065.865.559
Thu nhập không bị tính thuế	(580.271.281)	-
	<b>10.000.572.039</b>	<b>15.494.180.967</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, từ năm 2016 Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	297.292.137.275	320.843.632.722
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
<b>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	94.412.877.147	104.000.894.866
<b>Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.982.089.500	5.183.436.500
<b>Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.227.284.846	460.526.621
<b>Công ty Bảo hiểm Pjico Sài Gòn</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	10.940.625.242	8.562.314.060
<b>Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.759.029.650	-
<b>Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	232.218.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu Vực 2</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	152.706.725	-
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát</b>		
Tiền lương, thù lao và thưởng	2.303.400.000	2.753.423.313

**35. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

Theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 10 tháng 4 năm 2017, sau khi hoàn tất đầu tư tàu Nhà Bè 09, Công ty chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng tài trợ tàu từ Công ty cho Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn, công ty con, quản lý và khai thác. Công ty đang trong quá trình hoàn tất hồ sơ chuyển giao và dự kiến sẽ hoàn tất trước ngày 26 tháng 8 năm 2017.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Phan Nhân Tri  
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc